

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước trọng tâm tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3191 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030” và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2021 - 2025; tập trung cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực; thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng dữ liệu trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất và đồng bộ trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; gắn cải cách hành chính với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, góp phần tạo động lực tăng trưởng nhanh, bền vững.

- Phân đầu nâng cao chất lượng và thứ hạng các chỉ số phản ánh chất lượng điều hành và phục vụ của tỉnh như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

2. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt và là một trong các động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ tỉnh đến địa phương. Quán triệt

yêu cầu lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết và lấy phục vụ Nhân dân làm mục tiêu cao nhất trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, quyết liệt, thực chất, hiệu quả; có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình và sản phẩm cụ thể; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ thẩm quyền.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính giai đoạn trước, đồng thời chủ động nghiên cứu, sáng tạo, áp dụng những giải pháp mới để cải cách hành chính là khâu đột phá trong quản lý của tỉnh.

- Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

2.1. Chỉ tiêu về các chỉ số

- Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index): Năm 2026 tăng 3 bậc so với năm 2025, tối thiểu xếp hạng 19/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

- Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Năm 2026 tăng tối thiểu 2,5 - 3,0 điểm, thứ hạng tăng 8 - 10 bậc so với năm 2025, tối thiểu xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố, duy trì trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước đến năm 2030.

- Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Năm 2026 cải thiện vị trí trong nhóm trung bình - cao của cả nước, cải thiện đồng bộ các chỉ số thành phần; đến năm 2030 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

- Chỉ số HÀi lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): Phần đầu đạt 86% trong năm 2026; đến năm 2030, phần đầu đạt tối thiểu 95%, nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

- Chỉ số chuyển đổi số (DTI): Năm 2026 xếp hạng 25/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII): Năm 2026 xếp hạng 22/34 tỉnh, thành phố; đến năm 2030 xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố.

2.2. Chỉ tiêu về xây dựng thể chế

- Bảo đảm 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và khả thi; hoàn thành đúng tiến độ theo kế hoạch.

- Bảo đảm 100% văn bản QPPL sau khi ban hành được kiểm tra kịp thời; 100% văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời.

- Thực hiện rà soát, công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực một phần hằng năm theo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ công tác rà soát văn bản QPPL theo Kế hoạch và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
- Bảo đảm 100% văn bản QPPL sau khi ban hành được tổ chức triển khai kịp thời.
- 100% phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định pháp luật được tiếp nhận, xử lý, trả lời theo quy định.

2.3. Chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- 100% cơ quan hành chính nhà nước thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp bằng hình thức điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn của các cấp đạt tối thiểu 98%. 100% hồ sơ giải quyết quá hạn thực hiện xin lỗi theo quy định.
- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân được xử lý đúng hạn.
- Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp năm 2026 đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%; phấn đấu đến năm 2030, đạt 98%.
- 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp dưới dạng điện tử và có giá trị pháp lý.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công năm 2026 đạt tối thiểu 80%; phấn đấu đến năm 2030 đạt 100%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công năm 2026 phấn đấu đạt 85%; phấn đấu đến năm 2030 đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC trực tuyến phát sinh năm 2026 đạt 80% và 100% vào năm 2030.

2.4. Chỉ tiêu về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- 100% các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về lĩnh vực tổ chức bộ máy của cấp trên được cụ thể hóa kịp thời vào các văn bản hướng dẫn của địa phương.
- 100% nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã được rà soát, phân định rõ trách nhiệm.
- 100% các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành việc rà soát sắp xếp; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

- 100% các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý hoàn thành phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức, viên chức bố trí theo vị trí việc làm.

- Tiếp tục giảm bình quân 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025 (cụ thể theo hướng dẫn của Trung ương).

- 100% người đứng đầu được đánh giá hằng năm gắn với kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số và chất lượng phục vụ người dân.

- 100% cơ quan công khai kết quả đánh giá chất lượng thực thi công vụ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số, quản trị mạng và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng với nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ; cán bộ lãnh đạo quản lý có năng lực, tư duy đổi mới, sáng tạo trong các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

2.5. Chỉ tiêu về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.
- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.
- 100% cán bộ chuyên trách về CNTT, dữ liệu của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.
- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.
- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.
- Ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại tỉnh.
- Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

2.6. Chỉ tiêu hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư

- Tốc độ phát triển doanh nghiệp tăng bình quân 13%/năm; đến cuối năm 2030 trên địa bàn tỉnh có trên 29.000 doanh nghiệp đang hoạt động.
- Phần đầu tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, khoảng 55% - 58% GRDP, khoảng 35% - 40% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng trên 84% - 85% tổng số lao động; Năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5% - 9,5%/năm.
- Giảm tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể). Số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường năm sau tăng khoảng 15% - 20% so với năm trước.

2.7. Chỉ tiêu liên quan đến Đề án 06

- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu đạt 80%.
- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu đạt 80%.
- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch đạt 100%.

- Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính đạt 100%.
- Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ BHYT, thẻ sinh viên đạt 80%.
- Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng trên toàn quốc đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh đạt 100%.
- Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động đạt 90%; các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học đạt 100%.
- Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội; người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội đạt 100%.
- Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm 80%; tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 100%; An ninh trật tự được bảo đảm, tội phạm lừa đảo giảm 50% so với năm 2025.
- Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các cá nhân, tổ chức triển khai trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử và được ứng dụng hiệu quả trong thực tế đạt 30%.

(Phụ lục I - Hệ thống các chỉ tiêu liên quan kèm theo).

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế

- Xây dựng và ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm cụ thể hóa Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW.
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình lập đề nghị, xây dựng và soạn thảo văn bản QPPL, bảo đảm 100% văn bản ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; thực hiện lấy ý kiến đối tượng chịu tác động và tham vấn ý kiến các chuyên gia. Thực hiện hiệu quả công tác thẩm định của cơ quan Tư pháp và công tác đề xuất chính sách của các cơ quan chuyên môn. Tập trung nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù mang tính đột phá của tỉnh nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, thiết thực hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.
- Thực hiện tự kiểm tra 100% văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và định kỳ rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND xã, phường nhằm kịp thời phát hiện các nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp. Triển khai hiệu quả công tác rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực; tập trung phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý triệt

để các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, hết hiệu lực hoặc gây khó khăn, vướng mắc, cản trở các hoạt động thực tiễn. Ưu tiên rà soát, hoàn thiện thể chế trong các lĩnh vực cải cách hành chính, chuyển đổi số, đầu tư, đất đai, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, dữ liệu số, phát triển kinh tế số và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hằng năm; tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời thu thập thông tin, phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý các vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật tại cơ sở. Vận hành và khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL thuộc thẩm quyền; bảo đảm 100% phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được tiếp nhận, phân loại và giải quyết dứt điểm, đúng thời hạn quy định.

- Rà soát, bố trí đủ số lượng công chức làm công tác pháp chế. Tổ chức thường xuyên các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu, kỹ năng phân tích chính sách, soạn thảo văn bản và kỹ năng tổ chức thi hành pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp, pháp chế. Xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp chặt chẽ, rõ ràng giữa các cơ quan, đơn vị chuyên môn trong toàn bộ chu trình từ khâu soạn thảo, thẩm định cho đến khâu tổ chức thực thi pháp luật.

- Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong khâu xây dựng chính sách. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi biểu hiện trục lợi chính sách trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo đúng tinh thần Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13/01/2025 của Chính phủ (về Chương trình hành động thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị) và Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thi hành văn bản QPPL. Kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu pháp luật; phát triển hệ thống số hóa hồ sơ xây dựng văn bản, công cụ hỗ trợ tra cứu, đối chiếu, cảnh báo xung đột pháp lý; hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và tương tác với người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá tác động chính sách, dự báo xu hướng và hỗ trợ ra quyết định trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Cải cách TTHC

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản QPPL, nhất là các TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

b) Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Thực hiện nghiêm việc rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ các quy định khác có liên quan.

- Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các TTHC nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và tăng năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công

- Thực hiện nghiêm Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025, Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; Rà soát, tiếp tục phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý theo ngành, theo lãnh thổ, không để tình trạng kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực, phiền hà cho người dân, tổ chức.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các TTHC theo quy định.

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tiến hành tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Phát triển dịch vụ công trực tuyến theo hướng chủ động, cá nhân hóa, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tích hợp, khai thác dữ liệu từ các hệ thống định danh, xác thực điện tử, đặc biệt là VNeID; từng bước cung cấp dịch vụ công không yêu cầu người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ đối với các trường hợp đủ điều kiện; hỗ trợ tự động điền thông tin, nhắc hạn, theo dõi và xử lý hồ sơ.

- Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung,

tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC; triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chú trọng hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ công.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Rà soát, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các sở, ban, ngành; tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Rà soát, sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành, tổ chức tư vấn, ban chỉ đạo, tổ công tác theo hướng tinh gọn, thực chất, tránh trùng lặp chức năng, nhiệm vụ.

- Rà soát, hoàn thiện việc phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp tỉnh và cấp xã theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Tiếp tục thực hiện phân quyền trong giải quyết TTHC, quản lý đầu tư, ngân sách, đất đai, xây dựng, tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, chuyển đổi số và cung ứng dịch vụ công. Bảo đảm điều kiện thực hiện phân cấp, phân quyền về nguồn lực, nhân lực, dữ liệu, hạ tầng và năng lực tổ chức thực hiện. Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình đối với các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền. Theo dõi, đánh giá định kỳ về hiệu quả thực thi các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền. Tích hợp các công cụ cảnh báo thông minh trên các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội...) để theo dõi tiến độ và chất lượng giải quyết công việc được phân cấp theo thời gian thực.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính gắn với chỉ tiêu cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết TTHC và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý, tuyển dụng, sử dụng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất với quy định của Trung ương và yêu cầu đổi mới nền công vụ. Hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khối lượng công việc và yêu cầu năng lực của từng cơ quan, đơn vị. Thực hiện phân cấp trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức gắn với kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và kiểm tra, giám sát.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của cán bộ, công chức cấp xã theo khung năng lực và vị trí việc làm.

- Thực hiện công tác tuyển dụng theo hướng cạnh tranh, công khai, minh bạch, lựa chọn đúng người đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; ưu tiên tuyển dụng nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng. Triển khai việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo sở, ban, ngành và tương đương. Thực hiện bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo năng lực, sở trường, kết quả thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu phát triển của địa phương. Thực hiện điều động, luân chuyển, biệt phái nhằm phát triển năng lực thực tiễn, tạo môi trường rèn luyện và bổ sung nhân lực chất lượng cao cho địa phương. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai chính sách đột phá nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao về làm việc tại tỉnh.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPI) phù hợp với từng nhóm vị trí việc làm; từng bước ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện nhiệm vụ. Gắn kết quả đánh giá với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật và chính sách đãi ngộ.

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn với yêu cầu vị trí việc làm, chuẩn năng lực và nhu cầu thực tiễn. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước, chuyển đổi số, khai thác dữ liệu, đổi mới sáng tạo và kỹ năng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai hiệu quả đào tạo trực tuyến, học tập số và mô hình học tập suốt đời trong khu vực công; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức chủ động học tập, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chính sách tiền lương theo quy định; bảo đảm tiền lương gắn với vị trí việc làm, chức danh và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Chú trọng thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc chuyên đề việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm thực thi công vụ và đạo đức công vụ. Xây dựng văn hóa công vụ theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, liêm chính và phục vụ. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực; phòng ngừa, xử lý tình trạng né tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Tổ chức triển khai kịp thời, nghiêm túc và có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định pháp luật liên quan. Định kỳ kiểm tra hoạt động quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tập trung thực hiện rà soát, sắp xếp, xử lý và khai thác có hiệu quả nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai toàn diện, có hiệu quả các quy định mới của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị hành chính rà soát, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công nhằm tối ưu hóa việc sử dụng ngân sách được giao, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và cải thiện thu nhập hợp pháp cho cán bộ, công chức.

- Triển khai việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; mở rộng thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý các đơn vị hoạt động kém hiệu quả.

- Chủ động tổ chức điều hành ngân sách gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương đảm bảo tính ổn định, bền vững của ngân sách địa phương trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, sự hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; phấn đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách được giao. Thực hiện hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính; phân bổ ngân sách nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Theo dõi chặt chẽ, sát sao tiến độ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để kịp thời đề xuất, áp dụng các giải pháp quản lý thu phù hợp, quyết tâm hoàn thành và vượt chỉ tiêu thu ngân sách hằng năm. Tổ chức phân tích, đánh giá cụ thể các nguồn thu ngân sách, xác định rõ các nguồn thu còn tiềm năng chưa được khai thác, các lĩnh vực, loại thuế còn xảy ra tình trạng thất thu (đặc biệt là kinh doanh trên môi trường số, chuyển nhượng bất động sản...) để có giải pháp quản lý, điều hành thu hiệu quả.

- Đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước thông qua công tác chấm điểm chỉ số tiết kiệm chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị.

6. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách nhằm tạo nền tảng pháp lý đồng bộ cho chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số gắn với phát triển dữ liệu số, khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; ưu tiên các chính sách phát triển nguồn nhân lực số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các văn bản QPPL nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu; tạo điều kiện cho phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số và chính quyền số; thúc đẩy ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công và quản trị điều hành.

- Xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chuẩn và quy chế về quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; hoàn thiện danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh, từ điển dữ liệu thống nhất và cơ chế quản lý vòng đời dữ liệu. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc “dữ liệu của cơ quan nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác”, bảo đảm dữ liệu được tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần.

- Ban hành quy định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước theo quy định.

- Từng bước hình thành môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển và thử nghiệm các mô hình, nền tảng, ứng dụng số mới (sandbox); thúc đẩy khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở và giao diện lập trình ứng dụng (API) phục vụ phát triển dịch vụ số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản trị nhà nước.

b) Phát triển đồng bộ hạ tầng số của tỉnh theo hướng hiện đại, an toàn, kết nối thông suốt và lấy dữ liệu làm trung tâm phục vụ xây dựng chính quyền số, triển khai hiệu quả Đề án 06 và thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số

- Phát triển hạ tầng băng thông rộng cố định chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 5G trên địa bàn tỉnh (ưu tiên phát triển mạng di động 5G tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh và các đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp/khu công nghiệp); đảm bảo phủ sóng 5G tại 100% thôn, bản và tổ dân phố trên địa bàn tỉnh vào năm 2030.

- Đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, đảm bảo kết nối đến tất cả cơ quan nhà nước, khu công nghiệp và các đơn vị kinh tế quan trọng trong tỉnh; nâng cấp hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II để đảm bảo an toàn và đồng bộ trên toàn tỉnh.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu của tỉnh trên nguyên tắc dữ liệu được tạo lập một lần, dùng nhiều lần; phát triển Kho dữ liệu dùng chung và cổng dữ liệu mở của tỉnh bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, bảo đảm quản trị thống nhất, khả năng mở rộng và khai thác hiệu quả. Từng bước tái cấu trúc, chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP/NDOP) và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), bảo đảm liên thông, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Phát triển, nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo năng lực triển khai các hoạt động trọng tâm về chuyển đổi số gắn với an toàn, an ninh thông tin theo quy định (triển khai sử dụng hiệu quả nền tảng điện toán đám mây, đảm bảo năng lực lưu trữ; xác định lộ trình phát triển phù hợp).

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt); duy trì, đầu tư

thiết bị số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu sử dụng chung, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai Bệnh án điện tử (EMR) thay thế hoàn toàn bệnh án giấy tại 100% cơ sở khám chữa bệnh hạng tuyến tỉnh/chuyên khoa/khu vực; Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; xây dựng nền tảng kết nối kho dữ liệu Y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện Đề án 06 (Sổ Sức khỏe điện tử của người dân; liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe, ...); sử dụng VNeID thay thế thẻ BHYT giấy trong khám chữa bệnh; Xây dựng bản đồ dịch tễ điện tử thời gian thực (Realtime GIS) để giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, nâng cấp các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh (nền tảng trung tâm giám sát, điều hành thông minh; nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; nền tảng trợ lý ảo; ...); tiến hành tích hợp với hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh của tỉnh trên các lĩnh vực. Trọng tâm là phát triển Trung tâm IOC: xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Trung tâm IOC, hỗ trợ thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ giám sát và điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai tích hợp cảm biến và công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, môi trường, quản lý đô thị, an ninh trật tự,

- Đầu tư vào công nghệ mới: Mở rộng hạ tầng điện toán đám mây, công nghệ Blockchain và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước; phát triển ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giao thông, quản lý môi trường và đô thị thông minh để đảm bảo hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

c) Phát triển nguồn nhân lực số và năng lực công dân số

- Triển khai thực thi các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Đắk Lắk.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Tổ chức các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng.

- Phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh; đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông, ... chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của Cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đổi

mới cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Tổ chức giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cố nhằm duy trì hoạt động an toàn, liên tục của hệ thống thông tin và giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin trên không gian mạng.

- Triển khai Trung tâm an ninh mạng tỉnh Đắc Lắc gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước. Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

- Định kỳ hàng năm triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng gắn với tăng cường chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT các doanh nghiệp, tổ chức.

- Tổ chức đánh giá định kỳ mức độ an toàn các hệ thống thông tin; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định của pháp luật. Hoàn thành việc đánh giá và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc cơ quan nhà nước theo lộ trình.

đ) Phát triển chính quyền số, cung cấp dịch vụ công dựa trên dữ liệu và định danh điện tử

- Cập nhật định kỳ Khung kiến trúc số tỉnh Đắc Lắc phù hợp với các quy định hiện hành.

- Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phát triển các nền tảng, hệ thống dùng chung, nhất là các hệ thống có thể dùng chung toàn tỉnh như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ;...

- Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, cải cách TTHC và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển các nền tảng số để tổng hợp và phân tích dữ liệu, dựa trên việc kết nối và khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Từ đó, xây dựng hệ thống dữ liệu công dân số để phục vụ công tác quản lý.

- Vận hành, nâng cấp, và hoàn thiện Trung tâm điều hành đô thị thông minh theo hướng đồng bộ, liên thông; phát huy chức năng giám sát, điều hành, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định quản lý của cơ quan nhà nước.

- Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên các nền tảng, ưu tiên thiết bị di động. Thực hiện tích hợp, đồng bộ và sử dụng ứng dụng định danh điện tử VNeID trong toàn bộ quy trình tiếp nhận, xác thực, xử lý, trả kết quả

và theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Mở rộng sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, từng bước hình thành phương thức cung cấp dịch vụ công chủ động, cá thể hóa theo nhu cầu và sự kiện phát sinh.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo và các công nghệ số trong hỗ trợ người dân tra cứu, hướng dẫn thực hiện TTHC, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; từng bước tự động hóa các khâu tiếp nhận, phân loại, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, hỗ trợ xử lý nghiệp vụ, cảnh báo quá hạn và giám sát chất lượng giải quyết hồ sơ. Phát triển các dịch vụ công theo hướng thông minh, dự báo nhu cầu, chủ động nhắc việc và cung cấp dịch vụ không yêu cầu nộp hồ sơ đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định.

e) Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh trên cơ sở ứng dụng dữ liệu, công nghệ số và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng và triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain), dữ liệu lớn và điện toán đám mây vào các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thương mại, logistics, du lịch và dịch vụ; thúc đẩy áp dụng mô hình quản trị số, tối ưu quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển các mô hình kinh doanh số.

- Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử gắn với định danh và xác thực điện tử đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; mở rộng ứng dụng định danh điện tử trong giao dịch số, thanh toán điện tử, ký số và quản lý hoạt động trên các nền tảng thương mại điện tử nhằm đảm bảo tính minh bạch, truy xuất nguồn gốc, quản lý doanh thu và hỗ trợ thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định; tạo môi trường kinh doanh số an toàn, công bằng và thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.

- Phát triển các nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, tài chính, lao động và chuỗi cung ứng; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình hoạt động trên môi trường số; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu và dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế số bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động giới thiệu các giải pháp chuyển đổi số của các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực công nghệ đến với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ trên địa bàn tỉnh, giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội và triển khai chuyển đổi số hiệu quả; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ ứng dụng công nghệ số để đổi mới phương thức quản trị, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

g) Phát triển xã hội số toàn diện theo hướng lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm mọi người dân đều có khả năng tiếp cận, sử dụng an toàn và thụ hưởng hiệu quả các dịch vụ số

- Hoàn thiện phát triển dữ liệu công dân số, hướng tới mục tiêu toàn bộ người dân đều sở hữu danh tính số.

- Nâng cấp và hoàn thiện nền tảng công dân số “Đắc Lắc Số” theo hướng tích hợp tập trung các ứng dụng, dịch vụ và tiện ích số của tỉnh trên một nền tảng thống nhất; bảo đảm đồng bộ, kết nối với tài khoản định danh điện tử, ví giấy tờ điện tử trên VNeID và các hệ thống số quốc gia để người dân thuận tiện thực hiện TTHC, tiếp cận dịch vụ công, tra cứu thông tin, thanh toán trực tuyến và sử dụng các tiện ích phục vụ đời sống hằng ngày.

- Triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân theo hướng toàn dân, toàn diện và phù hợp từng nhóm đối tượng; phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và các tiện ích số thiết yếu. Đồng thời, từng bước tích hợp nội dung giáo dục công dân số, kỹ năng số, an toàn số và văn hóa số vào chương trình giáo dục chính quy và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành năng lực số và thói quen số cho người dân ngay từ sớm.

- Triển khai đồng bộ các tiện ích số phục vụ đời sống người dân trên cơ sở kết nối và khai thác dữ liệu dân cư, định danh điện tử và dữ liệu chuyên ngành; ưu tiên mở rộng sử dụng Sổ sức khỏe điện tử, tài khoản an sinh xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế, giáo dục và các dịch vụ thiết yếu khác; thúc đẩy sử dụng chữ ký số cá nhân, hồ sơ điện tử và các công cụ số để người dân thực hiện quyền, nghĩa vụ và các giao dịch trên môi trường số.

- Mở rộng cung cấp dữ liệu mở và các nền tảng số phục vụ cộng đồng; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chủ động tiếp cận, khai thác dữ liệu phục vụ học tập, lao động, sản xuất và kinh doanh; đầu tư hạ tầng tiếp cận số tại cơ sở, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận công bằng với các cơ hội phát triển trên môi trường số; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số tại cơ sở nhanh, thực chất, góp phần cải thiện chỉ số hạnh phúc của người dân.

7. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực về vốn, đất đai, thị trường, khoa học - công nghệ; ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như chế biến sâu nông - lâm sản, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, du lịch, kinh tế biển và kinh tế số.

- Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các nhà đầu tư chiến lược, dự án có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường và có khả năng lan tỏa, kết nối chuỗi giá trị.

b) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, chuyển đổi số trong quản trị và hoạt động kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

- Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, mở rộng liên kết giữa các khu vực, doanh nghiệp và chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ doanh nghiệp thông qua việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ năng số, xây dựng đội ngũ doanh nhân có trình độ, năng lực quản trị hiện đại, đạo đức và văn hóa kinh doanh.

c) Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh

- Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực thi chính sách; chú trọng lấy ý kiến doanh nghiệp, nhà đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hạn chế phát sinh rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp cải cách TTHC liên quan trực tiếp đến đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp: đơn giản hóa, chuẩn hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra, giám sát công vụ, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

d) Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp

- Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về đất đai, quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các nguồn lực phát triển. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị quỹ đất sạch, đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế và khu đô thị. Thúc đẩy kết nối vùng, giảm chi phí vận chuyển, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, triển khai dự án và thu hút hiệu quả các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

- Phát huy vai trò cầu nối giữa chính quyền với doanh nghiệp; thiết lập và vận hành cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả; thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư và công khai kết quả cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

(Phụ lục II - Danh mục nhiệm vụ cụ thể kèm theo).

IV. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thuộc Kế hoạch này được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này thành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đảm bảo đạt chỉ tiêu, tiến độ đề ra.

- Triển khai phổ biến, tuyên truyền, quán triệt công tác cải cách hành chính gắn với Chủ đề công tác từng năm của tỉnh, chú trọng thông tin tuyên truyền tiện ích việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các vấn đề liên quan trực tiếp tới doanh nghiệp, đời sống dân sinh; định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) tình hình thực hiện Kế hoạch.

- Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số.

2. Sở Nội vụ

Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính, có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu triển khai toàn diện, đồng bộ Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao chất lượng các chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS.

- Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch này và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá; tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Thực hiện khảo sát định kỳ, chuyên đề và đột xuất việc đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành, địa phương. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm nhiệm vụ cải cách hành chính khi Trung ương ban hành quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

3. Sở Tư pháp

- Thực hiện, theo dõi, tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế.

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, theo dõi, tổng hợp các nhiệm vụ về cải cách TTHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Chủ trì đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo thời gian thực; tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, theo dõi, tổng hợp các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này và thẩm định kinh phí cải cách hành chính hàng năm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, theo dõi, tổng hợp các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; nâng cao chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Công an tỉnh

- Chủ trì triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện, theo dõi, tổng hợp nhiệm vụ về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

9. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Đắk Lắk, Trung tâm Công nghệ thông tin và Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương và địa phương

- Đổi mới, đa dạng hóa các chuyên đề, tin tức cải cách hành chính hàng tuần; chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan để kịp thời cập nhật tin tức về công tác cải cách hành chính.

- Cải thiện chất lượng chuyên trang, chuyên đề cải cách hành chính; thường xuyên cập nhật tin tức, ý kiến của người dân về cải cách hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền, nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng xã hội, đường dây nóng, email... tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân có thể tương tác trực tiếp, tuyên truyền hiệu quả về cải cách hành chính.

10. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính, nhất là giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo./.